

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM, CẤP BÙ HỌC PHÍ NĐ 238/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 9 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 255.. /QĐ - UBND, ngày 22.. tháng 0 năm 2025 của UBND Xã Núa Ngam)

STT	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
TRƯỜNG MẦM NON NÚA NGAM										39.980.000
1	Đặng Trần Minh Thư	20/10/2020	MG Lớn	Kinh	Trần Thị Tươi	Phú Ngam	100%	40.000	4	160.000
2	Trịnh Mỹ Yên Nhi	09/04/2020	MG Lớn	Kinh	Đào Thị Yên	Phú Ngam	100%	40.000	4	160.000
3	Vũ Ngọc Bảo Trâm	22/06/2020	MG Lớn	Kinh	Lò Thị Loan	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
4	Tổng An Chi	22/07/2020	MG Lớn	Kinh	Vũ Thị Thanh Thuý	Phú Ngam	100%	40.000	4	160.000
5	Nguyễn Xuân Phúc	6/11/2020	MG Lớn	Kinh	Trần Thị Loan	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
6	Phạm My Ngọc	11/08/2020	MG Lớn	Kinh	Đào Thị Xa	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
7	Nguyễn Xuân Bắc	17/04/2020	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Thị Nhuận	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
8	Bùi Công Thành	10/04/2020	MG Lớn	Kinh	Bùi Thị Duyên	Tân Ngam	100%	40.000	4	160.000
9	Trần Bảo Ngọc	01/06//2020	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Thị Bình	Tân Ngam	100%	40.000	4	160.000
10	Trịnh Bảo An	3/1/2020	MG Lớn	Kinh	Phạm Thị Hải	Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
11	Đinh Trúc An	17/07/2020	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Thị Thuận	Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
12	Đỗ Ngọc Gia Bảo	6/8/2020	MG Lớn	K.Mú	Khúc thị Loan	Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
13	Lò Thị Mai Nhi	14/07/2020	MG Lớn	K.Mú	Lò Thị Tiên	Pá Ngam I	100%	40.000	4	160.000
14	Lò Phương Thủy	14/06/2020	MG Lớn	K.Mú	Lò Thị Lành	Pá Ngam I	100%	40.000	4	160.000
15	Lò Anh Đô	09/12/2020	MG Lớn	K.Mú	Lò Thị Thu	Pá Ngam I	100%	40.000	4	160.000
16	Lò Thị Huyền Trâm	18/05/2020	MG Lớn	K.Mú	Lò Thị Bui	Pá Ngam II	100%	40.000	4	160.000
17	Quảng Mạnh Tiến	19/07/2020	MG Lớn	K,Mú	Lò Thị Ngọc	Pá Ngam II	100%	40.000	4	160.000
18	Lò Anh Tuấn	26/08/2020	MG Lớn	K,Mú	Quảng Thị Tinh	Pá Ngam II	100%	40.000	4	160.000
19	Quảng Anh Tùng	10/02/2020	MG Lớn	K,Mú	Lò Thị út	Pá Ngam II	100%	40.000	4	160.000
20	Lò Gia Khánh	15/10/2020	MG Lớn	Thái	Lò Thị Tiên	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đãi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
1	Lò Minh Châu	29/06/2020	MG Lớn	Thái	Quảng Thị Loan	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
22	Lò Thị Thanh Trúc	25/02/2020	MG Lớn	Thái	Lò Thị Hồng	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
23	Lò Ngọc Diệp	18/06/2020	MG Lớn	Thái	Cầm Thị Quỳnh	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
24	Nguyễn Tiến Dũng	25/03/2020	MG Lớn	Kinh	Hoàng Thị Duyên	Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
25	Lò Gia Hưng	07/07/2020	MG Lớn	Thái	Quảng Thị Hòa	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
26	Giàng Huyền Trang	17/10/2020	MG Lớn	H.Mông	Giàng A Dénh	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
27	Lò Thiên Ân	12/05/2020	MG Lớn	Thái	Lò Văn Pàn	Ta lét	100%	25.000	4	100.000
28	Lường Văn Đức	17/08/2020	MG Lớn	Thái	Lường Văn Thành	Ta lét	100%	25.000	4	100.000
29	Nguyễn Minh Nhật	28/10/2020	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Thị Giang	Noong Luống	100%	40.000	4	160.000
30	Đoàn Thị Thanh Trúc	14/03./2020	MG Lớn	Kinh	Lò Thị Loan	Noong Luống	100%	40.000	4	160.000
31	Toán Ngọc Thái Hà Nhi	28/01/2020	MG Lớn	Hà Nhi	Lường Thị Hoài	Mường Nhé	100%	25.000	4	100.000
32	Toán Ngọc Thái Hà Chi	28/01/2020	MG Lớn	Hà Nhi	Lường Thị Hoài	Mường Nhé	100%	25.000	4	100.000
33	Đỗ Minh Quyết	12/10/2020	MG Lớn	Kinh	Lò Thị Thắm	Sam Mứn	100%	40.000	4	160.000
34	Sùng trung Kiên	25/07/2020	MG Lớn	Kinh	Sùng a Nhè	Thanh Xương	100%	40.000	4	160.000
35	Lường Minh Khôi	08-05-2020	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Sơn	Na sang 1	100%	40.000	4	160.000
36	Lò Văn Hữu Nghĩa	29/11/2020	MGG. Na sang I	lào	Lường văn thuận	Na sang 1	100%	40.000	4	160.000
37	Vì minh Phú	22/05/2020	MGG. Na Sang 1	Lào	Lò văn Tinh	Na sang 1	100%	40.000	4	160.000
38	lò Minh Quân	16/08/2020	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Chung	Na sang 1	100%	40.000	4	160.000
39	Lường Minh Trí	22/10/2020	MGG. Na Sang I	Lào	lò Văn Bình	Na sang 1	100%	40.000	4	160.000
40	Đinh Thị Thùy Dương	03/05/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Phon	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
41	Lường Bảo Châu	0/8/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Lâm	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
42	Lò Ngọc Lan	15/3/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Dương Thị Tăm	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
43	Lò Đình Nguyên	18/2/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Héo	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
44	Lường Thiên Phú	16/2/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Hoa	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
45	Lù Gia Minh	26/10/2020	MGG. Na Sang II	Thái	Lò Thị Hạnh	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
46	Lò Mạnh Quyết	11/02/2020	MGG. Na Sang II	Lào	Vì Thị Hóa	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
47	Quảng Thị Mai Lan	11/05/2020	MGG Pá Bông	Khơ.Mú	Quảng Thị Hồng	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
48	Lò Thị Thu Ngọc	23/10/2020	MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Dương	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
49	Lò Văn Hồng	20/02/2020	MGG Pá Bông	Khơ.Mú	Lò Thị Tuyết	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
50	Lò Gia Bảo	16/10/2020	MGG Ten Núa	Thái	Cà Thị Hà	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
51	Quảng Đăng Khoa	24/8/2020	MGG Ten Núa	Thái	Tòng Thị Oanh	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
52	Lò Bảo Long	09/09/2020	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Thắm	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
53	Lò Phúc Phước	29/4/2020	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Tương	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
54	Cà Thị phương Thúy	27/01/2020	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Than	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
55	Lò Việt Trung	25/9/2020	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Yên	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
56	Lò Thanh Tùng	05/04/2020	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Sương	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
57	Vàng Thị Lia	04/01/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Mùa Thị Khua	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
58	Mùa Thị Thùy Linh	03/08/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Mùa A Tỷ	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
59	Giàng Ngọc Long	15/7/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Giàng A Ka	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
60	Giàng Bảo Long	26/12/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Giàng a Sá	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
61	Giàng Thị Hoa Mai	12/12/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Giàng A Tủa	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
62	Giàng A Quý	12/09/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Giàng A Đông	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
63	Giàng A Sáu	11/11/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Vừ Thị Giàng	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
64	Vừ A Sơn	30/1/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Vừ Thị Pà	Huổi Hua	100%	30.000	4	120.000
65	Mùa Thị Diệu Linh	26/09/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Mùa A Sùng	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
66	Vàng A Minh	06/12/2020	MGG. Huổi Hua	H.Mông	Giàng Thị Pàng	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
67	Ly Tiến Sĩ	29/2/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Ly A Chênh	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
68	Giàng Duy Mạnh	15/7/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Giàng a Tro	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
69	Ly Thị Phương Chí	22/3/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Ly A Chổng	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
70	Ly A Sơn	02/06/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Ly A Sò	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
71	Ly Hoàng Chính	19/8/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Ly A Hờ	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
72	Giàng A Chung	10/11/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Giàng Giồng Cuá	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
73	Ly Trung Kiên	20/12/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Ly Thị Húa	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
74	Giàng Thị Phi Phương	10/08/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Giàng A Sênh	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
75	Mùa Thị Xuân Na	29/11/2020	MGG.Tin Lán A	H.Mông	Mùa Thị Dúa	Tuần Giáo	100%	40.000	4	160.000
76	Giàng Thị Mai Xinh	24/09/2020	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng A Tủa	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
77	Đoàn N.Hoàng Bách	14/11/2021	MG Nhỡ	Kinh	Đoàn Văn Yên	Tân Ngam	100%	40.000	4	160.000
78	Lò Bảo Tiến	17/09/2021	MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Hiệp	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
79	Lò Minh Quân	09/11/2021	MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Sơn(Ông)	Pá Ngam 2	100%	40.000	4	160.000
80	Lò Phương Trần	08/12/2021	MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Thu	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
81	Lò Việt Hoàng	29/11/2021	MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Sâu	Pá Ngam 2	100%	40.000	4	160.000
82	Lường Việt Khang	16/12/2021	MG Nhỡ	Thái	Lường Văn Hùng	Ta Lét	100%	25.000	4	100.000
83	Nguyễn Bình An	18/3/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Văn Hùng	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
84	Nguyễn Đức Bảo	20/11/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Thị Ngần	Hất Hẹ	100%	40.000	4	160.000
85	Nguyễn H. Gia Bảo	05/08/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Văn Đức	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
86	Nguyễn Huy Đạt	14/04/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Huy Tú	Nong Hẹt	100%	40.000	4	160.000
87	Nguyễn Ngọc Huyền	25/03/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Bá Minh	Đội 3	100%	40.000	4	160.000
88	Nguyễn Thế Bảo An	14/10/2021	MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Thế Kiêm	Tân Ngam	100%	40.000	4	160.000
89	Quảng Minh Đức	21/8/2021	MG Nhỡ	K mú	Quảng Văn Hoa	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
90	Quảng Tuấn Anh	03/07/2021	MG Nhỡ	K mú	Quảng Văn Phương	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
91	Sùng Minh Quân	30/03/2021	MG Nhỡ	Hmông	Sùng A Minh	Tuần Giáo	100%	40.000	4	160.000
92	Tạ Hoàng Gia Linh	12/06/2021	MG Nhỡ	Kinh	Tạ Văn Minh	Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
93	Trần Bảo Nam	08/03/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trần Trọng Khường	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000
94	Trần Minh Anh	18/03/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trần Thanh Lâm	Tân Ngam	100%	40.000	4	160.000
95	Trần T.Phương Thảo	15/8/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trần Văn Cảnh	Hợp Thành	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đãi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
96	Trịnh D. Anh Minh	07/07/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trịnh Duy Trường	Thanh Hóa	100%	40.000	4	160.000
97	Trịnh Đ. Nhật Phúc	25/11/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trịnh Đắc Tài	Phú Ngam	100%	40.000	4	160.000
98	Trịnh Hà Anh	01/12/2021	MG Nhỡ	Kinh	Trịnh Công Bình	Sam Mứn	100%	40.000	4	160.000
99	Vũ Phương Nga	27/10/2021	MG Nhỡ	Kinh	Vũ Văn Việt	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
100	Cà Thiên Bảo	02/05/2021	MG Nhỡ	Thái	Cà Văn Thân	Ta lét- HM	100%	40.000	4	160.000
101	Lò Thị Tuyết Nhung	27/11/2021	MG Nhỡ	Khu mú	Vì Văn Việt	Pú Hồng	100%	25.000	4	100.000
102	Vì Nam Hoàng	19/01/2021	MGG. Na Sang I	Lào	Vì văn Nang	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
103	Vì Minh Vũ	20-01-2021	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Hào	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
104	Vì Minh Dũng	20-01-2021	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Trường	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
105	Vì Đăng Khoa	08/04/2021	MGG. Na Sang I	Lào	Lò Thị Phênh	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
106	Vì Thị Mỹ Na	29/05/2021	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Lả	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
107	Lường Ngọc Ánh	11/08/2021	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Lâm	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
108	Lò Huy Hoàng	13/01/2021	MGG. Na Sang I	Lào	Lường Văn Thuận	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
109	Lò Đức Tài	09/03/2021	MGG. Na Sang II	Lào	Lường Thị Thủy	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
110	Lò Anh Tuấn	22/07/2021	MGG Pá Bông	Khơ.Mú	Lò Thị Sang	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
111	Lò Thị Thủy Linh	28/02/2021	MGG Pá Bông	Khơ.Mú	Lò Thị Hương	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
112	Lò Minh Đăng	23/12/2021	MGG Pá Bông	Khơ.Mú	Lò Thị Dương	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
113	Lò Gia Bảo	12/08/2021	MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Đối	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
114	Lò Phương Uyên	07/08/2021	MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Tươi	Nà Tầu	100%	40.000	4	160.000
115	Lò Việt Minh	27/03/2021	MGG Ten Núa	Thái	Cà Thị Vân	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
116	Giàng Diệu Linh	31/03/2021	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Mạnh	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
117	Giàng Thị Yến	06/10/2021	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Lầu	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
118	Vừ Minh Thương	19/07/2021	MGG Huổi Hua	H mông	Vừ A Lầu	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
119	Mùa Gi Trung	28/02/2021	MGG Huổi Hua	H mông	Mùa A Ly	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
120	Giàng Mạnh Hưng	23/07/2021	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Chá	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đãi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
121	Vàng Phương Mai	11/09/2021	MGG Huồi Hua	H mông	Vàng A Hải	Huồi Hua	100%	40.000	4	160.000
122	Vàng A Hải	22/06/2021	MGG Huồi Hua	H mông	Vàng A Hù	Huồi Hua	100%	40.000	4	160.000
123	Vừ A Phông	24/03/2021	MGG Tin Lán A	H.Mông	Vừ Thị Tông	Mường Nhà	100%	30.000	4	120.000
124	Giàng Thư Thượng	20/10/2021	MGG Tin Lán A	H.Mông	Giàng A Vừ	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
125	Ly Thị Xuân Mong	26/08/2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Lồng	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
126	Giàng Thị Thảo My	23/03/2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Thỉnh	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
127	Ly Thị Tuyết Nhung	15/12/2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hồng	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
128	Ly Thị Linh Chi	08/11/2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chênh	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
129	Giàng Gia Bảo	16/09/2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly Thị Phái	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
130	Giàng Thị Mai Dung	24/02/2021	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng A Sò	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
131	Giàng Đức Tuấn	02/02/2021	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng Sô Nhìa	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
132	Giàng Mạnh Cường	03/11/2021	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng A Thu	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
133	Nguyễn Bảo Ngọc	07/11/2022	MG Bé	Kinh	Nguyễn Văn Tân	Thôn Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
134	Nguyễn Mạnh Khang	09/06/2022	MG Bé	Kinh	Nguyễn Mạnh Hùng	Thôn Phú Ngam	100%	40.000	4	160.000
135	Ng Ngọc Quỳnh Trâm	03/03/2022	MG Bé	Kinh	Nguyễn Xuân Hào	Thôn Hát hẹ	100%	40.000	4	160.000
136	Nguyễn Việt Anh	05/09/2022	MG Bé	Kinh	Nguyễn Văn Ngọ	Thôn Hát Hẹ	100%	40.000	4	160.000
137	Quảng Anh Dũng	23/06/2022	MG Bé	Khơ mú	Lò Thị Út	Pá Ngam 2	100%	40.000	4	160.000
138	Lò Ngọc Trâm	23/02/2022	MG Bé	Thái	Lò Thị Lệ	Sam Múm	100%	40.000	4	160.000
139	Trần Văn Long	26/01/2022	MG Bé	Kinh	Tô Như Quỳnh	Thôn hợp thành	100%	40.000	4	160.000
140	Lò Phúc Lộc	23/04/2022	MG Bé	Thái	Quảng Thị Loan	Bản Ta lét 1	100%	25.000	4	100.000
141	Đào Đăng Khôi	29/12/2022	MG Bé	Kinh	Đào Văn Công	Nậm Hẹ-Hệ Muông	100%	25.000	4	100.000
142	Quảng Quyết Tâm	27/09/2022	MG Bé	Thái	Quảng Thị Thanh	Bản Ta lét 2	100%	25.000	4	100.000
143	Lường Minh Khôi	25/04/2022	MG Bé	Thái	Nguyễn Thị Ngà	Bản Ta lét 2	100%	25.000	4	100.000
144	Cà Như Ngọc	23/12/2022	MG Bé	Thái	Cà Văn Dương	Bản Ta lét 2	100%	25.000	4	100.000
145	Lầu Phương Anh	08/01/2022	MG Bé	H mông	Lầu A Tà	Pú Nhung- Tuấn Giáo	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
146	Lò Ngọc Ánh	08/03/2022	MG Bé	Thái	Lò Văn Nam	Ta lét 1- HA	100%	25.000	4	100.000
147	Vì Diệu Oanh	03/04/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Hương	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
148	Vì Nguyễn Ngọc Ánh	08/06/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Nguyễn Xuân Kiệm	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
149	Vì Thị Khánh Ngân	06/02/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Ít	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
150	Lò Thị Cúc Hoa	30/07/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Lò Văn Sinh	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
151	Lường Ngọc Uyên	15/10/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Lường Văn Ôn	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
152	Vì Đức Thịnh	11/11/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Long	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
153	Vì Huệ Ân	03/09/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn Phúc	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
154	Cà Thị Thuý Linh	05/04/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Cà Văn Đoàn	Mường nhà	100%	30.000	4	120.000
155	Vì thị Hải Vân	04/04/2022	MGG. Na Sang I	Lào	Vì Văn May	Na Sang 1	100%	40.000	4	160.000
156	Lò Ngọc Diễm	22/12/2022	MGG. Na Sang II	Lào	Lường Thị Hà	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
157	Lò Quang Huy	07/11/2022	MGG. Na Sang II	Lào	Vì Thị Anh	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
158	Lò Tiến Dũng	04/11/2022	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Nội	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
159	Lò Hoàng Nam	20/06/2022	MGG. Na Sang II	Lào	Lò Thị Thi	Na Sang 2	100%	40.000	4	160.000
160	Lò Thị Minh Ngọc	26/10/2022	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Thị Xuân	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
161	Tòng Thị Thương	12/09/2022	MGG Pá Bông	Kinh	Lò Thị Liên	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
162	Lò Anh Thư	12/01/2022	MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Hà	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
163	Quảng Thị Ngân	25/03/2022	MGG Ten Núa	Thái	Vì Thị Thỏa	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
164	Lò Thị Phương Hậu	30/07/2022	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Hồng Diệp	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
165	Lường Gia Bảo	12/07/2022	MGG Ten Núa	Thái	Lường Thị Dương	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
166	Lò Nhã Uyên	23/03/2022	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Doan	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
167	Lường Anh Đạt	27/11/2022	MGG Ten Núa	Thái	Lò Thị Thắm	Ten Núa	100%	40.000	4	160.000
168	Giàng Thị Chinh	24/04/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Thống	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
169	Giàng Quang Hải	29/05/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Dơ	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
170	Vàng Thị Lan	18/12/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Vàng Thị Pàng	Huổi Hua	100%	25.000	4	100.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đãi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
171	Giàng Thị Tuyết Nhung	07/08/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Tro	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
172	Giàng Minh Đức	25/10/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giành A Manh	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
173	Mùa A Đạt	25/06/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Mùa A Vừ	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
174	Giàng Tuấn Dũng	08/8/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Công	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
175	Giàng Thị Ngọc Oanh	14/9/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Cờ	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
176	Giàng Mạnh Thông	18/11/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Tòa	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
177	Giàng A Chình	21/10/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Lầu	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
178	Giàng Thị Bích	22/09/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Giàng A Tính	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
179	Vàng Mạnh Cường	12/10/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Vàng A Chạ	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
180	Mùa Thị Ngọc Lan	06/07/2022	MGG Huổi Hua	H mông	Mùa A Sùng	Huổi Hua	100%	40.000	4	160.000
181	Ly Minh Quang	13/03/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Sò	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
182	Giàng Quang Minh	03/03/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Sùng	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
183	Giàng Thanh Tùng	08/02/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Long	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
184	Giàng Thị Hương	21/04/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Vàng	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
185	Ly Trung Su	26/06/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hồng	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
186	Giàng Anh Hải	26/08/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Minh	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
187	Giàng Nu Tênh	13/11/2022	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng Sớ Nhìa	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
188	Giàng Nu Tênh	01/11/2022	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng A Tòa	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
189	Giàng Anh Hải	26/08/2022	MGG Tin Lán B	H. Mông	Giàng A Minh	Tin Lán	100%	40.000	4	160.000
190	Lò Thị Quỳnh Vân	19/3/2023	Nhà trẻ TT	K.mú	Lò Thị Hiền	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
191	Lò Mạnh Long	18/8/2023	Nhà trẻ TT	K.mú	Lò Thị Viện	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
192	Nguyễn Đức Đạt	18/02/2023	Nhà trẻ TT	Kinh	Trịnh Thị Linh	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
193	Lò Đức Trọng	13/6/2023	Nhà trẻ TT	K.mú	Lò Thị Tuyết	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
194	Cà Ngọc Minh An	06/05/2023	Nhà trẻ TT	Thái	Lò Thị Xuân	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
195	Trần Tuệ An Nhiên	20/10/2023	Nhà trẻ TT	Kinh	Lò Thị Vân	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000

	Họ và tên học sinh	Ngày Tháng Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ đồng/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)
246	Lường Minh Khang	01/06/2024	Nhà trẻ TT	Thái	Nguyễn Thị Ngà	Ta Lét	100%	25.000	4	100.000
247	Đinh Xuân Bách	16/02/2024	Nhà trẻ TT	Kinh	Lò Thị Thuyền	Hắt Hẹ	100%	40.000	4	160.000
248	Lò Trà Vy	30/07/2024	Nhà trẻ TT	Kmú	Lò Thị Hoa	Pá Ngam 1	100%	40.000	4	160.000
249	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/5/2024	Nhà trẻ TT	Kinh	Khuất Thị Hà	Pá Ngam 2	100%	40.000	4	160.000
250	Lò Duy Khang	03/05/2024	Nhà trẻ TT	Thái	Tòng Thị Bích	Ta lét 1	100%	25.000	4	100.000
251	Giàng Ngọc Hưng	15/06/2024	NT. Tin Lán A	H.Mông	Giàng A Pó	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
252	Ly Thị Ngọc Ánh	07/05/2024	NT. Tin Lán A	H.Mông	Ly A Hồng	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
253	Giàng A Trị	20/12/2024	NT. Tin Lán A	H.Mông	Giàng A Và	Tin Lán A	100%	40.000	4	160.000
254	Lò Thị Thanh Trâm	19/08/2024	NT Na Sang I	Lào	Cà Thị Vân	Na Sang	100%	40.000	4	160.000
255	Vì Thị Khánh Huyền	03/02/2024	NT Na Sang I	Lào	Lò Văn Chung	Na Sang	100%	40.000	4	160.000
256	Lò Thị Diệu Nhi	09/10/2023	NT Pá Bông	K.mú	Lò Văn Quyền	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
257	Quàng Thị Ngọc Ánh	25/5/2023	NT Pá Bông	K.mú	Quàng Thị Mến	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
258	Hoàng Hải Nam	13/5/2024	NT Pá Bông	Kinh	Hoàng Việt Hùng	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000
259	Lò Duy Khang	12/04/2024	NT Pá Bông	K.mú	Lò Văn Chiến	Pá Bông	100%	40.000	4	160.000